



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 1141/QĐ-UBND.HC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Hồng Ngự đến năm 2020

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CV ĐỀN Số: 12051
Ngày: 20/11/11

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự đến năm 2020, số 181/BC-HĐTD ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự tại Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2011 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự đến năm 2020; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 1675/SKHĐT-THQH ngày 05 tháng 12 năm 2011 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự đến năm 2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, đảm bảo tính hiệu quả, bền vững.
2. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khu kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm - dịch vụ, các doanh nghiệp.
3. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tập trung nguồn lực đầu tư vào các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm để làm đầu tàu thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, bền vững.



4. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và bảo vệ tốt môi trường. Ứng phó hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chủ trọng giải quyết các vấn đề xã hội, an ninh trật tự phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế. Tập trung xây dựng nông thôn mới.

5. Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là khu vực biên giới.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển Hồng Ngự thành huyện kinh tế cửa khẩu quan trọng của Tỉnh.
- Phát triển nông nghiệp theo chiều sâu; đầu tư nhanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Tập trung phát triển giáo dục - đào tạo, bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khoẻ nhân dân; chăm lo phúc lợi xã hội, hạn chế phân hoá về thu nhập, mức sống; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.
- Đảm bảo quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 13%/năm giai đoạn 2011-2015 và 13,2%/năm giai đoạn 2016-2020, bình quân tăng 13,1%/năm giai đoạn 2011-2020.

- GDP bình quân đầu người quy đổi theo giá so sánh 1994 đạt 976 USD vào năm 2015 và 1.722 USD vào năm 2020 (quy đổi theo giá hiện hành là 1.243 USD vào năm 2015 và 2.219 USD vào năm 2020).

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Đến năm 2020, cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm 45%, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 17% và ngành thương mại - dịch vụ chiếm 38% tổng GDP.

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 2,9% GDP và tốc độ tăng thu ngân sách bình quân 10%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20% vào năm 2020.

b) Về văn hoá - xã hội

- Năm 2020, dân số khoảng 159.000 người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm.

- Phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2014. Đến năm 2020, phấn đấu huy động học sinh phổ thông trong độ tuổi đến trường đạt 95%; 33,3% trường mầm non, 47,1% trường tiểu học, 46,2% trường trung học cơ sở và 75% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.



- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58% vào năm 2020.
- Tốc độ đổi mới công nghệ phần đầu đạt 17-20%/năm.
- Phần đầu đến năm 2020, có 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt 6,3 bác sỹ và 11,3 giường bệnh/vạn dân.
 - Đến năm 2020, có 95% gia đình và 60% xã, thị trấn đạt danh hiệu văn hóa; tỷ lệ dân số tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt khoảng 30%. Phần đầu đạt tỷ lệ xã nông thôn mới ngang với mặt bằng chung của Tỉnh.
 - Đến năm 2015, hoàn thành việc nâng cấp các cụm, tuyến dân cư vượt lũ; tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 60%.
 - Giải quyết việc làm cho khoảng 600-900 lao động mỗi năm. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 5%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn đạt trên 90% vào năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường

- Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, tỷ lệ hộ dân khu vực thành thị sử dụng nước sạch đạt 99%.
- Các cụm công nghiệp, khu đô thị mới đều có hệ thống thu gom rác thải, nước thải, bảo đảm 90% rác thải đô thị được thu gom. Phần đầu trên 90% cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống xử lý chất thải hoặc sử dụng công nghệ ít phát thải, thân thiện với môi trường.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp, thủy sản và nông thôn

Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất; xây dựng các vùng chuyên canh tập trung, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn, đạt chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường, kết hợp với đa dạng hóa một số hệ thống luân canh, đảm bảo phát triển bền vững. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng 8,0%/năm giai đoạn 2011-2015 và 6,0%/năm giai đoạn 2016-2020, trong đó:

a) Nông nghiệp: ổn định diện tích lúa trên 10.000 ha, hình thành các vùng chuyên sản xuất lúa với quy mô tập trung đạt chất lượng, hiệu quả cao. Hoàn thiện hệ thống thủy lợi để phát triển diện tích sản xuất 03 vụ lúa hoặc luân canh lúa - màu tại các địa bàn thuận lợi; nhân rộng mô hình nuôi tôm - lúa trong vùng phía Bắc kênh Tứ Thờng (Thờng Thới Hậu A, B). Ổn định diện tích sản xuất 02 vụ lúa hoặc lúa - màu tại vùng trũng các cù lao. Xây dựng vùng chuyên canh rau màu tại khu vực đất bồi bồi khoảng 2.000 ha, đồng thời thực hiện tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất đảm bảo tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng, an toàn; phát triển vườn cây lâu năm chung quanh khu vực thô canh và trên các địa bàn đất cao ven các kênh rạch chính với quy mô trên 100 ha.

b) Phát triển chăn nuôi tại khu vực xa dân cư với quy mô lớn, trong đó chú trọng phát triển các hình thức nuôi công nghiệp, bán công nghiệp dưới dạng

trang trại kết hợp chặt chẽ với vệ sinh phòng dịch, cải thiện chất lượng sản phẩm, đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân 7,8%/năm.

c) Thủy sản: phát triển các loại hình nuôi cá da trơn thảm canh với mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở tiêu chuẩn hóa, đa dạng hóa phương thức nuôi, cải thiện chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường; ổn định nuôi bè, phát triển nuôi tôm luân canh trên ruộng lúa trong mùa lũ, nuôi cá ao hầm trong khu vực thô cát.

d) Cây phân tán: tập trung trồng mới cây phân tán trên các trục giao thông nông thôn, các bờ bao vùng và tiểu vùng thuỷ lợi; vận động phong trào trồng cây tại khu vực đô thị, các khu công cộng, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp và trồng tận dụng cây phân tán trong khu vực kinh tế vườn.

2. Về công nghiệp, xây dựng

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 19,3%/năm giai đoạn 2011-2015 và đạt 18,3%/năm giai đoạn 2016-2020.

a) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản, từng bước đầu tư theo chiều sâu và gia tăng hàm lượng công nghệ.

Tập trung mũi nhọn là công nghiệp chế biến gạo, thủy sản và các phụ phẩm, cơ khí sửa chữa máy móc thiết bị; gia công hoàn tất sản phẩm kết hợp với kho vận.

Xây dựng hoàn chỉnh hai cụm công nghiệp: Thường Phước 2 và Thường Thới Tiền; đồng thời tập trung xúc tiến đầu tư vào hai cụm này, hạn chế xây dựng cơ sở sản xuất ngoài cụm.

b) Ngành xây dựng: chú trọng nâng cao năng lực xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển, tăng dần quy mô, chất lượng xây dựng; tập trung xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn, tiếp tục chỉnh trang đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, phù hợp với sự phát triển theo từng thời kỳ.

3. Về thương mại và dịch vụ

Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20,1%/năm giai đoạn 2011-2015 và đạt 19,4%/năm giai đoạn 2016-2020.

a) Phát triển chợ Thường Phước, chợ Thường Thới lên loại 1; xây dựng siêu thị tổng hợp loại 3 tại Thường Phước vào năm 2015; sau năm 2015 phát triển thêm siêu thị tại Thường Thới; đầu tư khu thương mại - dịch vụ tập trung tại khu kinh tế cửa khẩu Thường Phước; hình thành trung tâm giao dịch cá giống tại Phú Thuận B.

b) Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phương tiện vận tải, chú trọng vận tải công cộng.

c) Thu hút đầu tư các khu vui chơi giải trí. Tôn tạo, tu bổ các điểm di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn.



d) Khuyến khích các tổ chức tín dụng đầu tư các chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Phát triển các tuyến trực khu vực ven sông Tiền đi vào vùng lũ, vùng biên giới và các tuyến trực xuyên cù lao nối với Thường Thới và thông tuyến qua khu vực Phú Tân (An Giang).

- Xây dựng các tuyến đường vành đai, đường hành lang các khu đô thị, khu kinh tế cửa khẩu.

- Nâng cấp các tuyến đường liên xã; phát triển các tuyến đường nông thôn; nâng cấp bến xe khách, kết nối các tuyến phà từ khu vực cù lao Long Khánh và Phú Thuận về Thường Thới.

- Nạo vét các tuyến sông Tiền, sông Sở Thượng, kênh Tứ Thường, sông Cái Vùng.

b) Thủy lợi

Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi kiểm soát lũ theo hướng ứng phó với biến đổi khí hậu và tiến hành xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thuỷ lợi nội đồng theo mục tiêu canh tác.

c) Cáp điện, cấp, thoát nước và xử lý nước thải

Phát triển đồng bộ hệ thống cấp điện, cấp nước sạch, hệ thống thoát, thu gom và xử lý nước thải, rác thải công nghiệp - đô thị.

5. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

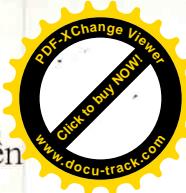
a) Giáo dục và đào tạo

- Phát triển giáo dục - đào tạo theo hướng tiêu chuẩn hóa giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Xây dựng và cung cấp trang thiết bị mới cho hệ thống trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Phấn đấu đến năm 2020 có 33,3% trường mầm non, 47,1% trường tiểu học, 46,2% trường trung học cơ sở và 75% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ đạt 99,9%, tăng tỷ lệ nhập học các cấp thông qua công tác duy trì và củng cố kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi và tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Phấn đấu đạt tiêu chí giáo dục ở 3 xã nông thôn mới vào năm 2015 và tất cả các xã vào năm 2020. Thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo từ năm 2014 và phổ cập giáo dục trung học phổ thông tại thị trấn vào năm 2015.

- Tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học, trung học chuyên nghiệp. Đẩy mạnh việc đào tạo và dạy nghề theo nhu cầu xã hội, phát huy sức mạnh toàn dân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

b) Khoa học - công nghệ và môi trường



- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng và triển khai các đề tài, đề án, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học trên địa bàn.

- Kiểm tra chặt chẽ việc thu gom và xử lý chất thải công nghiệp độc hại, chất thải y tế; khắc phục nạn ô nhiễm ở các cơ sở tiểu thủ công nghiệp phân tán; thực hiện tốt chương trình nước sạch đô thị và nông thôn; hạn chế sử dụng hóa chất trong sản xuất nông, thủy sản; triển khai và thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp quy có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trên toàn Huyện.

c) *Dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân*

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, củng cố mạng lưới y tế, phấn đấu 60% trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020; mở rộng các dịch vụ y tế, quản lý tốt các cơ sở y dược tư nhân; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, từng bước mở rộng bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tiếp tục duy trì các chương trình thông tin - giáo dục - truyền thông y tế trên diện rộng. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia trên địa bàn. Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng bao gồm y tế công và y tế tư. Quản lý sức khỏe bà mẹ - trẻ em đến từng hộ gia đình, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý.

d. *Văn hóa và thể dục, thể thao*

- Nâng cấp và đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục - thể thao Huyện, từng bước hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa cấp cơ sở. Phấn đấu đến năm 2020 có 95% hộ gia đình, trên 60% xã đạt danh hiệu văn hóa.

- Tăng cường thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao. Dân số tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 25% vào năm 2015 và 30% vào năm 2020; số gia đình tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 21% vào năm 2015 và 23% vào năm 2020.

d) *Giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội*

- Hoàn thành cơ bản công tác giảm nghèo, hỗ trợ đời sống, xây nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, công tác bảo trợ xã hội; tiếp tục phát huy vai trò của các thành phần kinh tế thu hút nhiều lao động, tăng cường đào tạo nghề, hướng nghiệp, hỗ trợ tín dụng, tạo mọi điều kiện để người dân có công ăn việc làm góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo 2%/năm.

- Thông qua việc vận động quỹ bảo trợ xã hội và mọi nguồn đóng góp để giải quyết tốt các chế độ đối với các hộ diện chính sách, các đối tượng có công với cách mạng đạt mức sống từ trung bình trở lên so với cộng đồng nơi cư trú.

6. Về quốc phòng - an ninh

- Xây dựng, củng cố và phát triển nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng dân quân, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên đảm bảo về số lượng và chất lượng.



- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật. Tăng cường kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Vùng đồng lũ: phát triển lúa theo chiều sâu, nuôi trồng thủy sản. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn. Thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Thường Phước 1, Thường Phước 2 và Thường Thới. Phát triển thương mại - dịch vụ tại khu kinh tế cửa khẩu, khu dân cư và thị trấn. Tập trung xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng.

2. Vùng cù lao: phát triển kinh tế nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lúa, rau màu, ươm giống và nuôi trồng thủy sản; phát triển tiểu thủ công nghiệp; thu hút đầu tư phát triển thương mại - dịch vụ tại trung tâm Long Khánh B, cảng Hồng Ngự (Phú Thuận B), Phú Tân (Phú Thuận A). Phát triển hai đường trực trung tâm (kênh 17, lộ Phú Thuận B - Cái Vừng).

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ (Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Để thực hiện những mục tiêu đề ra trong quy hoạch, nhu cầu vốn đầu tư dự kiến 13.979 tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Huyện cần có các giải pháp huy động nguồn vốn từ nhân dân và doanh nghiệp, cụ thể như:

- Vận dụng các chính sách và xây dựng mục tiêu thu ngân sách theo định hướng nuôi dưỡng nguồn thu để thu hút, mời gọi đầu tư và tăng cường tích luỹ trong dân;

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của chính quyền, tiếp tục tạo lập môi trường thông thoáng cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư;

- Giới thiệu và hướng các nhà đầu tư ngoài địa bàn vào các dự án lớn, đặc biệt là các dự án đầu tư - kinh doanh các khu dân cư đô thị, khu dân cư vệ tinh cụm công nghiệp, các trung tâm thương mại - dịch vụ, trung tâm nông sản, khu vui chơi giải trí.

- Mời gọi và tạo điều kiện các ngân hàng mở chi nhánh trên địa bàn Huyện.

- Quan hệ chặt chẽ với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Tỉnh nhằm tạo điều kiện giới thiệu và kêu gọi đầu tư vào địa bàn.

- Vận dụng các chính sách cơ chế nhằm huy động tổng hợp các nguồn lực xã hội hóa lĩnh vực y tế - giáo dục.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Phát triển mạng lưới trường nghề. Huy động tổng hợp năng lực dạy nghề trong và ngoài địa bàn, hình thành mạng lưới dạy nghề với nhiều hệ thống, cấp độ, thực hiện dạy nghề theo nhu cầu thị trường, theo địa chỉ.

- Tập trung đào tạo nhân lực cho nông thôn. Kết hợp dạy nghề với tư vấn và hỗ trợ việc làm khu vực nông thôn.

- Khuyến khích phát triển quỹ khuyến học, cấp học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo và đối tượng chính sách.

- Hình thành và phát triển hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho xuất khẩu lao động.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các ngành liên quan và địa phương trong công tác đưa tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất.

- Thông qua các tổ chức khuyến nông, khuyến công và các phương tiện thông tin đại chúng đưa khoa học, công nghệ về địa bàn nông thôn.

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học và huy động đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ trong và ngoài Huyện tham gia nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ mới phục vụ sản xuất và đời sống.

4. Giải pháp về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định của pháp luật, các chương trình về bảo vệ tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường; khai thác một cách hợp lý và có hiệu quả tài nguyên đất, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản. Khoanh định các khu vực cấm và tạm cấm khai thác khoáng sản trên địa bàn tại các khu vực gần các khu di tích lịch sử, khu du lịch, khu đất thuộc tôn giáo, khu an ninh - quốc phòng, khu vực an toàn giao thông thủy, các vùng xung yếu.

- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường. Có biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhất là khu vực đô thị và khu sản xuất công nghiệp tập trung.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự được phê duyệt, Uỷ ban nhân dân Huyện phải tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Huyện trong từng thời kỳ.



3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hồng Ngự được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành và các dự án đầu tư trên địa bàn.

Điều 3. Giao Uỷ ban nhân dân huyện Hồng Ngự căn cứ vào những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Huyện được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các sở, ngành Tỉnh liên quan triển khai thực hiện Quy hoạch theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành Tỉnh và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hồng Ngự chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.)

Noi nhận:

- Như Điều 5;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dương





PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-UBND-HC ngày 19 tháng 12 năm 2011 của
Ủy ban nhân dân Tỉnh về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện
Hồng Ngự đến năm 2020)*

TT	TÊN DỰ ÁN
A	Các dự án đầu tư từ nguồn vốn huyện
1	Đầu tư chỉnh trang hạ tầng khu đô thị Thường Thới
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu thương mại - dịch vụ Thường PhuỚc 1
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Long Khánh B
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến dân cư Phú Thuận
5	Đề án hiện đại hóa các hoạt động thương mại dịch vụ khu vực đô thị và cửa khẩu
6	Đề án liên kết xúc tiến phát triển thương mại và dịch vụ kinh tế cửa khẩu
7	Di dời các cơ sở công nghiệp – TTCN
8	Chương trình khuyến công
9	Xây dựng và phát triển vùng chuyên lúa, chuyên rau, lúa -màu
10	Tiêu chuẩn hóa các trang trại chăn nuôi và kiểm dịch
11	Phát triển vùng lúa –tôm
12	Phát triển bền vững vùng nuôi cá da trơn và tiêu chuẩn hóa SQF, CoC ngành nuôi trồng
13	Phát triển sản xuất và kiểm định giống thủy sản tại Phú Thuận
14	Nâng cấp, phát triển hệ thống đường giao thông đô thị
15	Xây mới các bến xe
16	Phát triển các trạm và điểm cuối giao thông công cộng
17	Nâng cấp bến đò khách & hàng hóa
18	Xây dựng kè sông Tiền, sông Sở Thượng tại khu vực đô thị và cửa khẩu
19	Cải tạo hệ thống thoát nước đô thị và xây dựng hệ thống xử lý nước thải đô thị
20	Xây dựng và nâng cấp bãi rác trung chuyển
21	Đầu tư hệ thống hạ tầng và phúc lợi khu vực nông thôn
22	Chuẩn hóa trường học các cấp và chuẩn hóa nghề nghiệp lực lượng giáo viên
23	Hướng nghiệp và đào tạo lao động nông thôn - đô thị, lao động vãng lai

24	Chuẩn hóa hệ thống trạm y tế
B CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ	
I Lĩnh vực thương mại - dịch vụ và du lịch	
1	Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống chợ dân sinh
2	Đầu tư phát triển khu ngoại quan, trung tâm logistic Thường Phước
3	Đầu tư phát triển khu thương mại - dịch vụ và siêu thị miễn thuế Thường Phước
4	Đầu tư phát triển các khu dân cư đô thị Thường Phước (3-4 dự án)
5	Đầu tư phát triển dịch vụ đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa khu cửa khẩu Thường Phước (2-4 dự án)
6	Xây dựng mạng lưới bán sỉ - bán lẻ và liên kết các nhà tổng phát hàng, kho vận
7	Đầu tư phát triển sở vật chất của ngành du lịch, khách sạn khu vực cửa khẩu
II Lĩnh vực công nghiệp	
1	Hoàn chỉnh hạ tầng cụm công nghiệp Thường Phước
2	Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Thường Phước 2
3	Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Thường Thới Tiền
4	Nâng cấp nhà máy xay xát
5	Nhà máy xay xát xuất khẩu
6	Nhà máy chế biến thủy sản
7	Nhà máy giết mổ gia súc
8	Nhà máy sản xuất bao bì các loại
9	Cơ sở cơ khí
10	Nhà máy sản xuất ép trấu
III Lĩnh vực văn hóa - xã hội	
1	Các dự án xã hội hóa về y tế: trung tâm chẩn đoán, phòng khám tư nhân
2	Các dự án xã hội hóa về giáo dục - đào tạo: trung tâm tin học, ngoại ngữ, hướng nghiệp
3	Các dự án xã hội hóa văn hóa - thể thao: trung tâm internet, các dự án trung tâm giải trí

Ghi chú: về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn, và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.